

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án Khai thác đất sét trong phạm vi diện tích đầu tư xây dựng
công trình Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh
của Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất sét trong phạm vi diện tích đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh của Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 10/11/2020;

Xét nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất sét trong phạm vi diện tích đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/CV-HHT ngày 30/12/2020 của Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1231/TTr-STNMT ngày 31/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất sét trong phạm vi diện tích đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện

(sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo), kế hoạch khai thác, bản đồ trước và sau khi kết thúc khai thác tại UBND xã Vĩnh Hiệp.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu Dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Giao UBND huyện Vĩnh Thạnh, UBND xã Vĩnh Hiệp giám sát việc thực hiện của Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện trong quá trình khai thác và san gạt mặt bằng sau khi kết thúc khai thác; nghiệm thu kết quả thực hiện.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã Vĩnh Hiệp;
- Chủ dự án;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT SÉT TRONG PHẠM VI DIỆN TÍCH
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM
XÃ VĨNH HIỆP, HUYỆN VĨNH THẠNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác đất sét trong phạm vi diện tích đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện.

1.3. Địa chỉ liên hệ: thôn Thượng Sơn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0256.3584079.

1.4. Quy mô, công suất khai thác

- Diện tích dự án: 2,75ha.

- Thời gian khai thác: 08 tháng.

- Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Khối lượng đất khai thác: 27.500 m³ đất địa chất.

1.5. Phương pháp khai thác

Bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Đông khu mỏ, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới; chiều sâu khai thác 1m; cos kết thúc khai thác thoải dần về phía Tây từ +49,7m đến +48,8m. Công ty sử dụng máy đào để khai thác và ô tô 10 tấn để vận chuyển đất đến nhà máy gạch của Công ty tại CCN cầu 16 (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác).

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Công trình bảo vệ môi trường: hồ lắng 02 ngăn phía Nam dự án (ngoài phạm vi khai thác) thể tích khoảng 54 m³, được gia cố đảm bảo; mương thu gom nước mưa về hồ lắng (mương đất, tổng chiều dài khoảng 122m x rộng 1,0m x cao 1,0m), được gia cố đảm bảo; mương thoát nước từ hồ lắng ra cống hiện trạng phía Nam (mương đất, tổng chiều dài khoảng 8,0m x rộng 1,0m x cao 1,0m).

- Bãi thải tạm phía Tây Nam dự án (ngoài phạm vi khai thác, thuộc khu vực quy hoạch Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp), diện tích khoảng 1.500 m², được gia cố đảm bảo.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất, dài khoảng 140m x rộng 7m), được lấp công tại đoạn giao với mương thủy lợi hiện trạng trong khu vực Dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất sét đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lấn bùn đất).
- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác sẽ gây tác động về tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến trụ sở UBND xã Vĩnh Hiệp.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng $0,72 \text{ m}^3/\text{ngày}$ có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.
- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng $780,89 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tính cho lưu lượng ngày mưa lớn nhất).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi thải phát sinh trong quá trình khai thác và vận chuyển đất sét đến nhà máy gạch tại Cụm công nghiệp Cầu 16.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng $2,7 \div 5,4 \text{ kg}/\text{ngày}$, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải rắn trong quá trình khai thác: đất bùn hữu cơ phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 1.375 m^3 .

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên tại khu vực dự án

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng $10 \text{ kg}/08 \text{ tháng}$.
- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng $01 \text{ kg}/08 \text{ tháng}$.

2.7. Quy mô, tính chất của chất thải khác: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động và thuê đơn vị để thu gom, xử lý khi bể đầy.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh khu mỏ có tổng chiều dài khoảng 122 m , kết cấu là mương đất, được gia cố đảm bảo; mương thoát nước từ hồ lắng ra cống hiện trạng phía Nam dài khoảng $8,0 \text{ m}$, được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng phía Nam, tọa độ (1.560.796; 558.349), thể tích khoảng 54 m^3 (dài 12 m x rộng 3 m x sâu $1,5 \text{ m}$), được chia làm 02 ngăn với 6 rọ đá (kích thước mỗi rọ khoảng $2,0 \text{ m}$ x $1,0 \text{ m}$ x $0,5 \text{ m}$), được gia cố đảm bảo. Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- Quy trình thu gom, xử lý: nước mưa chảy tràn → mương thu gom xung quanh khu mỏ → hồ lắng phía Nam → mương dẫn nước → cống hiện trạng phía Nam → suối Nước Máng.

3.2. Về xử lý bụi

Phun nước trên tuyến đường vận chuyển sản phẩm (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

- Bố trí 01 thùng đựng rác sinh hoạt 240 lít đặt tại khu vực nhà tạm để lưu chứa và hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương để xử lý theo quy định.

- Đất bùn hữu cơ được lưu giữ tại bãi thải tạm phía Tây Nam dự án (diện tích khoảng 1.500 m², được kê chắn đảm bảo), được tận dụng san lấp tại khu vực quy hoạch dải cây xanh Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp (dọc bờ kè suối Nước Máng).

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn theo quy định (bố trí tại khu vực nhà tạm); hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung

Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án.	2 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi khai thác.
2.	Tháo dỡ cống bắt qua mương thủy lợi.	≤ 2 tấn	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Sau khi kết thúc khai thác thửa T1-1.
3.	San gạt mặt bằng Dự án: san gạt đạt cos hiện trạng trước khi khai thác. ⁽¹⁾	27.500 m ³	Trả lại cos hiện trạng ban đầu trước khi khai thác.	Sau khi kết thúc khai thác từng thửa.
4.	San lấp mương thu gom, thoát nước mưa và hồ lắng.	184 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác.

⁽¹⁾ san gạt mặt bằng đạt cos từ +47,4m đến +51,9m (không bao gồm phần đổ đất nâng cos nền theo quy hoạch dự án Khu dân cư trung tâm xã Vĩnh Hiệp đã được UBND huyện Vĩnh Thạnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 08/10/2019). Lượng đất sử dụng san gạt cải tạo, phục hồi môi trường phải được mua từ các mỏ đất khác đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác theo quy định.

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động.	6 m ²	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác.
6.	Tháo dỡ bãi thải, rọ đá.	6 m ³		
7.	Đo vẽ địa hình.	2,75 ha		

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **510.039.000 đồng** (Năm trăm mười triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn).

- Số lần ký quỹ: 01 lần; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lắp cống qua mương thủy lợi hiện trạng trong khu vực Dự án tại đoạn giao với tuyến đường tạm trong mỏ, đảm bảo cho việc tiêu thoát nước trong quá trình khai thác.

- Gia cố hồ lắng đảm bảo, bố trí rọ đá phía đầu ra của hồ lắng để giảm sa bồi ra suối Nước Máng và sông Côn.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- 01 hồ lắng phía Nam; hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn; mương thoát nước từ hồ lắng ra cống hiện trạng phía Nam.

- Bãi thải tạm lưu chứa đất bùn hữu cơ.

- Nhà vệ sinh di động.

- Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thùng lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giám sát nước thải đầu ra tại hồ lắng với các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát không khí xung quanh: thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển đất qua khu dân cư; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.